

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST

Ngày 05 - 6-2018

V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết

2. Ông Hoàng Văn Độ

- Thư ký phiên toà: Ông Đinh Hoàng Trung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Bà Phùng Ngọc Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2018/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018, về việc Ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn K

Địa chỉ: SN 19, ngõ 26, đường Lê Văn T, tổ 13, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Diệu H

Địa chỉ: SN 222, đường 20/8, tổ 02, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 09/3/2018; bản tự khai ngày 15/3/2018, và quá trình giải quyết nguyên đơn anh K: Anh và chị H đăng ký kết hôn ngày 22/12/2010, tại UBND phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang do tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng hay cãi nhau, trong cuộc sống thường xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn tình cảm. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, do tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin được ly hôn với chị H.

Theo bản tự khai ngày 02/4/2018 bị đơn chị H: Chị H xác nhận về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn như anh K trình bày là đúng. Cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng. Chị H khẳng định tình cảm vợ chồng anh chị vẫn còn, chị không nhất trí ly hôn.

* Về con chung:

- Anh K trình bày: Anh chị có hai con chung là cháu Đỗ Minh K sinh ngày 13/5/2011 và cháu Đỗ Thảo N sinh ngày 23/02/2015. Ly hôn anh K xin được là người trực tiếp nuôi hai con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Chị H trình bày: Chị xác nhận anh chị có hai con chung là cháu Đỗ Minh K sinh ngày 13/5/2011 và cháu Đỗ Thảo N sinh ngày 23/02/2015. Nếu ly hôn chị H xin được trực tiếp nuôi cháu Đỗ Thảo N, yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi cháu N với mức 2.000.000đ/1 tháng.

* Tài sản chung, công nợ chung: Anh K và chị H đều xác nhận không có.

Tòa án đã ra thông báo phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tổng đạt hợp lệ cho chị H nhiều lần nhưng chị H không đến tham gia phiên hòa giải. Do vậy, Vụ án không hòa giải được do chị H vắng mặt.

* Tại phiên tòa hôm nay: Anh K giữ nguyên quan điểm của mình về việc xin ly hôn; về con chung anh K vẫn giữ yêu cầu xin được trực tiếp nuôi cháu K, anh thay đổi quan điểm nhất trí cho chị H nuôi cháu N và không nhất trí với yêu cầu cấp dưỡng của chị H; Tài sản chung, công nợ chung không có.

* Quan điểm của Đại diện VKS thành phố Hà Giang:

- Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ, thông báo cho Viện Kiểm sát về việc Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX, thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các tài liệu do đương sự cung cấp phù hợp với quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy cuộc sống chung giữa anh K và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, anh chị hiện đã sống ly thân, không có thiện chí cải thiện tình cảm vợ chồng. Mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được anh K xin ly hôn là phù hợp. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho anh K được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh K và chị H có hai con chung là cháu K và cháu N, cả hai anh chị đều có nguyện vọng nuôi con. Thực tế cháu K đang ở với bố, cháu N ở với mẹ, nên để cho anh K nuôi cháu K theo nguyện vọng của cháu K và cho chị H nuôi cháu N là phù hợp. Đối với yêu cầu của chị H về việc yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi cháu N là không phù hợp bởi lẽ anh K và chị H đều có nghĩa vụ nuôi dưỡng một con và đều là lao động tự do. Do vậy, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật HN&GD giao cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng nuôi cháu K, chị H trực tiếp

nuôi dưỡng cháu N, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án anh Kiên chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Đỗ Văn K cư trú: Địa chỉ SN 19, ngõ 26, đường Lê Văn T, tổ 13, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang, chị Nguyễn Diệu H; Địa chỉ: SN 222, đường 20/8, tổ 02, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, anh K có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với chị H. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Do bị đơn chị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227- BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án:

Đây là vụ án xin ly hôn các đương sự yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân và nuôi con chung. Như vậy, đủ căn cứ xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015 và Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 - Luật HN và GD năm 2014.

[3]. Về nội dung vụ án:

- Về yêu cầu xin ly hôn:

Anh K và chị H đăng ký kết hôn ngày 22/12/2010, tại UBND phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang do tự nguyện. Như vậy, hôn nhân giữa anh K và chị H là hợp pháp.

Lý do anh K xin ly hôn là sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp vợ chồng hay cãi nhau, trong cuộc sống hàng ngày thường xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn tình cảm. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, do tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin được ly hôn với chị H. Chị H xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra nhưng chưa đến mức độ trầm trọng, có thể cải thiện được tình cảm nên chị không nhất trí ly hôn. HĐXX xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của anh K là phù hợp bởi lẽ: Hiện tại mâu thuẫn vợ chồng của anh chị trầm trọng, khi xảy ra mâu thuẫn chị H lại cho rằng những mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, không đến mức phải ly hôn, có thể khắc phục được, nhưng bản thân chị H lại không có biện pháp khắc phục những bất hòa giữa hai vợ chồng để cải thiện tình cảm, dẫn đến việc anh chị đã sống ly thân. Tại Điều 19-LHNGĐ có quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...”, nhưng chị

H không có sự quan tâm, chia sẻ chăm sóc giúp đỡ chồng con, gia đình, hai người sống ly thân, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thực hiện việc tham gia hòa giải để khắc phục mâu thuẫn. Theo các biên bản xác minh thu thập chứng cứ ngày 02/5/2018 và ngày 02/5/2018 của nơi cư trú và Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình và trẻ em, có căn cứ xác định tình cảm giữa anh K, chị H có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích cuộc hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của anh K là phù hợp với quy định tại điều 56 - Luật HN&GD. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh K.

- Về con chung: Anh K và chị H cùng xác nhận có hai con chung là cháu Đỗ Minh K sinh ngày 13/5/2011 và cháu Đỗ Thảo N sinh ngày 23/02/2015, cả hai anh chị đều có nguyện vọng nuôi con và cùng thể hiện quan điểm mỗi người nuôi một con. Do vậy, để cho anh K nuôi cháu K theo nguyện vọng của cháu K và cho chị H nuôi cháu N vì hiện tại cháu K đang ở với anh K, cháu N đang ở với chị H là phù hợp. Đối với yêu cầu của chị H về việc yêu cầu anh K cấp cấp dưỡng nuôi cháu N là không phù hợp, do anh K và chị H mỗi người đều có nghĩa vụ nuôi dưỡng một con chung và đều là lao động tự do. Vì vậy, các con do mỗi bên trực tiếp nuôi dưỡng phải đều phải có trách nhiệm tự chăm sóc và nuôi dưỡng giáo dục các con, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật HN&GD giao cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng nuôi cháu K, chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án anh K chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đỗ Văn K được ly hôn với chị Nguyễn Diệu H.

2. Về con chung: Xử giao cho anh Đỗ Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đỗ Minh K sinh ngày 13/5/2011 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Giao cho chị Nguyễn Diệu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Đỗ Thảo N sinh ngày 23/02/2015 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh K, chị H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và cùng có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

3. Tài sản chung, công nợ chung: Không có.

4. Về Án phí: Anh K chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đ được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang biên lai số 00717 ngày 14 tháng 3 năm 2018.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho anh K biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố.
- Các đương sự.
- CC THADS TP.
- UBND phường M
- Lưu HS.
- Lưu bộ phận

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Thị Thanh Bình